

**TÌNH TRẠNG DINH DƯỠNG VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN  
Ở BỆNH NHÂN ĐÁI THÁO ĐƯỜNG TYPE 2  
TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH TRÀ VINH**

*Nguyễn Thị Nhật Tảo\**, *Thạch Thị Mỹ Phương*, *Lê Mỹ Ngọc*,  
*Thạch Thị Thanh Thúy*, *Bùi Khánh Duy*

*Trường Đại học Trà Vinh*

*\*Email: ntn tao@tvu.edu.vn*

*Ngày nhận bài: 23/4/2024*

*Ngày phân biện: 25/7/2024*

*Ngày duyệt đăng: 10/8/2024*

**TÓM TẮT**

**Đặt vấn đề:** Đái tháo đường là một bệnh lý rối loạn chuyển hóa không đồng nhất, cần được theo dõi chặt chẽ để ngăn ngừa biến chứng. Bệnh thường phát sinh từ lối sống lối sống không lành mạnh, bao gồm chế độ dinh dưỡng không hợp lý và thiếu hoạt động thể lực. **Mục tiêu nghiên cứu:** Xác định tình trạng dinh dưỡng và một số yếu tố liên quan ở người bệnh đái tháo đường type 2 tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Trà Vinh. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 246 đối tượng được chẩn đoán mắc đái tháo đường type 2 từ tháng 6 đến tháng 8 năm 2023. **Kết quả:** Trong số 246 đối tượng tham gia nghiên cứu có 50,0% đối tượng có tình trạng dinh dưỡng bình thường, thừa cân - béo phì chiếm 42,7%, thấp nhất là suy dinh dưỡng chiếm 7,3%. Nghiên cứu ghi nhận được một số yếu tố liên quan đến tình trạng dinh dưỡng của đối tượng nghiên cứu như nhóm tuổi, nghề nghiệp, mức độ hút thuốc lá với  $p < 0,05$ . **Kết luận:** Cần thực hiện đánh giá tình trạng dinh dưỡng định kỳ cho người bệnh đái tháo đường type 2, đặc biệt là đối tượng người cao tuổi, nhằm sàng lọc và đánh giá tình trạng dinh dưỡng kịp thời, can thiệp sớm cho những bệnh nhân đang trong tình trạng suy dinh dưỡng và thừa cân - béo phì.

**Từ khóa:** Tình trạng dinh dưỡng, đái tháo đường, Trà Vinh.

**ABSTRACT**

**NUTRITIONAL STATUS AND SOME RELATED FACTORS IN TYPE 2  
DIABETES PATIENTS AT TRA VINH PROVINCE GENERAL HOSPITAL**

*Nguyễn Thị Nhật Tảo\**, *Thạch Thị Mỹ Phương*, *Le My Ngọc*,  
*Thạch Thị Thanh Thúy*, *Bui Khanh Duy*

*Tra Vinh University*

**Background:** Diabetes is a heterogeneous metabolic disorder that requires close monitoring to prevent complications. It often arises from an unhealthy lifestyle, including poor nutrition and lack of physical activity. **Objectives:** To determine the nutritional status and some related factors in type 2 diabetes patients at Tra Vinh Province General Hospital. **Materials and methods:** Cross-sectional descriptive study on 246 subjects diagnosed with type 2 diabetes from June to August 2023. **Results:** Among of 246 subjects participating in the study, there were 50.0% of subjects had normal nutritional status, overweight - obesity accounted for 42.7%, the lowest was malnutrition accounting for 7.3%. The study recorded some of factors related to the nutritional status of the study subjects such as age group, occupation and smoking level with  $p < 0.05$ . **Conclusions:** Regular nutritional assessment is needed for patients with type 2 diabetes, especially the elderly, in order to screen and evaluate nutritional status promptly, and intervene early for patients with diabetes in malnutrition and overweight - obesity.

**Keywords:** Nutritional status, diabetes, Tra Vinh.

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đái tháo đường là bệnh rối loạn chuyển hóa không đồng nhất, có đặc điểm tăng glucose huyết do thiếu hụt về tiết insulin, về tác động của insulin hoặc cả hai [1]. Theo thống kê của Liên đoàn Đái tháo đường Quốc tế (IDF) vào năm 2021 có 537 triệu người trưởng thành đang sống chung với bệnh đái tháo đường, độ tuổi từ 20 đến 79 tuổi với tỷ lệ ước tính cứ 10 người sẽ có 1 người bị bệnh đái tháo đường [2]. Tại Việt Nam, hiện có khoảng 3,5 triệu người mắc đái tháo đường, cao gấp 10 lần so với 10 năm trước đây và dự báo con số này sẽ tăng lên 6,1 triệu vào năm 2040, tỷ lệ tiền đái tháo đường cũng tăng từ 7,7% lên 14,0% [3]. Tình trạng dinh dưỡng trên bệnh nhân đái tháo đường type 2 là vấn đề quan trọng nhất với mục đích nhằm đảm bảo cung cấp đủ dinh dưỡng, cân bằng đủ cả về số lượng và chất lượng để có thể điều chỉnh tốt đường huyết, duy trì cân nặng theo mong muốn, đảm bảo cho người bệnh có đủ sức khỏe để hoạt động và công tác phù hợp với từng cá nhân [4]. Trà Vinh là tỉnh thuộc khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Trà Vinh là bệnh viện tuyến tỉnh với quy mô 700 giường bệnh. Năm 2019, bệnh viện đã tiếp đón khoảng 429.422 lượt người bệnh đến khám và chữa bệnh, đặc biệt số ca đái tháo đường chiếm gần 1/3 tổng số ca và đang có xu hướng ngày càng tăng [5]. Xuất phát từ những vấn đề trên, nghiên cứu được thực hiện nhằm mục tiêu xác định tình trạng dinh dưỡng và một số yếu tố liên quan ở bệnh nhân đái tháo đường type 2 tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Trà Vinh. Kết quả nghiên cứu sẽ góp phần cải thiện, nâng cao chất lượng điều trị và chăm sóc toàn diện cho bệnh nhân.

## II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Đối tượng nghiên cứu

Người bệnh được chẩn đoán mắc đái tháo đường type 2 điều trị nội trú tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Trà Vinh từ 6/2023 đến tháng 8/2023.

### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

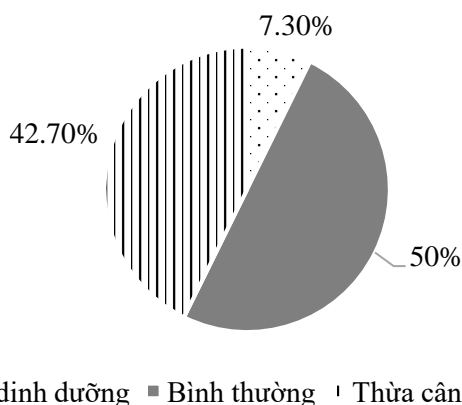
- **Thiết kế nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang.
- **Cỡ mẫu nghiên cứu:** Cỡ mẫu được tính theo công thức ước lượng một tỷ lệ với  $p=0,2$  là tỷ lệ suy dinh dưỡng ở bệnh nhân đái tháo đường type 2 theo nghiên cứu của Lâm Khắc Kỷ năm 2022 [6];  $d=0,05$  là sai số cho phép;  $z$  là phân vị của phân phối chuẩn (bằng 1,96 tương ứng với mức ý nghĩa 95%). Vậy nghiên cứu khảo sát 246 đối tượng.
- **Phương pháp chọn mẫu:** Chọn mẫu thuận tiện cho đến khi đủ cỡ mẫu.
- **Biến số nghiên cứu:** Khảo sát một số đặc điểm dân số - xã hội của đối tượng nghiên cứu gồm tuổi, giới tính, dân tộc, trình độ học vấn, nghề nghiệp, tình trạng kinh tế gia đình, nơi cư trú; Biến số về đặc điểm bệnh lý gồm bệnh lý kèm theo và tiền sử gia đình mắc đái tháo đường type 2; Biến số về hành vi, lối sống của đối tượng nghiên cứu như hút thuốc lá, sử dụng rượu bia, chế độ ăn, hoạt động thể lực. Phân loại tình trạng dinh dưỡng dựa vào chỉ số khối cơ thể (BMI).
  - **Phương pháp thu thập thông tin:** Phỏng vấn trực tiếp đối tượng tham gia nghiên cứu bằng bộ câu hỏi soạn sẵn và đo các chỉ số nhân trắc học như cân nặng, chiều cao.
  - **Công cụ thu thập thông tin:**
    - + Bộ câu hỏi phỏng vấn gồm 3 phần: Thông tin chung của đối tượng nghiên cứu gồm đặc điểm dân số - xã hội và đặc điểm bệnh lý; Các chỉ số nhân trắc học như chiều cao, cân nặng; Các yếu tố liên quan gồm 13 câu hỏi về hành vi, lối sống của đối tượng nghiên cứu.
    - + Công cụ đo lường cân nặng, chiều cao: Cân, thước đo chiều cao dán tường.

- **Phương pháp xử lý số liệu:** Nhập liệu bằng phần mềm Excel và phân tích bằng phần mềm Stata 14. Sử dụng tần số, tỷ lệ phần trăm (%) để mô tả cho các biến số về đặc điểm dân số - xã hội và phân loại tình trạng dinh dưỡng của đối tượng nghiên cứu. Sử dụng phép kiểm định chi bình phương ( $\chi^2$ ), kiểm định Mann – Whitney, kiểm định Kruskal – Wallis, tương quan Spearman để đo lường mối liên quan giữa biến thứ tự với biến nhị giá, biến danh định và biến thứ tự. Kết quả được báo cáo với mức ý nghĩa 0,05.

- **Đạo đức nghiên cứu:** Tất cả đối tượng nghiên cứu được giải thích rõ ràng mục đích nghiên cứu, tự nguyện tham gia vào nghiên cứu, nghiên cứu hoàn toàn không ảnh hưởng gì đến những lợi ích từ dịch vụ thăm khám, chăm sóc sức khỏe của họ đang nhận được. Những thông tin của người tham gia nghiên cứu cung cấp đều được bảo mật và chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu, không vì mục đích nào khác. Nghiên cứu được sự chấp thuận về mặt Y đức trong nghiên cứu từ Hội đồng Đạo đức trong Nghiên cứu Y sinh học của Trường Đại học Trà Vinh theo số 228/GCT-HĐĐĐ ngày 18 tháng 6 năm 2023.

### III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

#### 3.1. Tình trạng dinh dưỡng ở người bệnh đái tháo đường type 2



Biểu đồ 1. Phân loại tình trạng dinh dưỡng ở người bệnh đái tháo đường type 2 (n=246)

Nhận xét: Trong số 246 đối tượng tham gia nghiên cứu, 50,0% đối tượng có tình trạng dinh dưỡng bình thường, thừa cân - béo phì chiếm 42,7%, thấp nhất là tình trạng suy dinh dưỡng chiếm 7,3%.

#### 3.2. Một số yếu tố liên quan đến tình trạng dinh dưỡng ở người bệnh đái tháo đường type 2

Bảng 1. Mối liên quan giữa tình trạng dinh dưỡng và đặc điểm dân số - xã hội của đối tượng nghiên cứu (n=246)

Đặc điểm		Tình trạng dinh dưỡng			p
		SDD	Bình thường	Thừa cân - Béo phì	
Giới tính	Nam	4 (5,7)	35 (50,0)	31 (44,3)	0,645 <sup>b</sup>
	Nữ	14 (8,0)	88 (50,0)	74 (42,0)	
Nhóm tuổi	< 60 tuổi	8 (12,9)	39 (62,9)	15 (24,2)	0,0003 <sup>b</sup>
	Từ 60 tuổi trở lên	10 (5,4)	84 (45,7)	90 (48,9)	
Dân tộc	Kinh	16 (7,5)	106 (49,8)	91 (42,7)	0,954 <sup>b</sup>
	Khmer	2 (6,1)	17 (51,5)	14 (42,4)	

Đặc điểm		Tình trạng dinh dưỡng			p
		SDD	Bình thường	Thừa cân- Béo phì	
Nơi cư trú	Nông thôn	17 (7,4)	114 (49,3)	100 (43,3)	0,521 <sup>b</sup>
	Thành thị	1 (6,7)	9 (60,0)	5 (33,3)	
Trình độ học vấn	Mù chữ	6 (10,2)	25 (42,3)	28 (47,5)	0,904 <sup>a</sup>
	Tiểu học	9 (6,6)	73 (53,7)	54 (39,7)	
	THCS	1 (2,6)	18 (48,7)	18 (48,7)	
	THPT, trung cấp trở lên	2 (14,3)	7 (50,0)	5 (35,7)	
Nghề nghiệp	CCVC - Hưu trí	8 (4,3)	91 (48,6)	88 (47,1)	0,015 <sup>c</sup>
	Nông dân, công nhân, tự do	8 (19,1)	23 (54,7)	11 (26,2)	
	Nội trợ	2 (11,8)	9 (52,9)	6 (35,3)	
Kinh tế gia đình	Nghèo, Cận nghèo	3 (13,1)	13 (56,5)	7 (30,4)	0,154 <sup>b</sup>
	Không nghèo	15 (6,7)	110 (49,3)	98 (44,0)	

(<sup>a</sup>Tương quan Spearman, <sup>b</sup>Kiểm định Mann-Whitney)

Nhận xét: Kết quả bảng 1 cho thấy, có mối liên quan giữa tình trạng dinh dưỡng với nhóm tuổi và nghề nghiệp của đối tượng tham gia nghiên cứu, sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với  $p < 0,05$ . Nhóm tuổi từ 60 tuổi trở lên có tình trạng thừa cân - béo phì cao nhất (48,9%); Nhóm tuổi dưới 60 tuổi có tình trạng dinh dưỡng bình thường chiếm tỷ lệ cao nhất (62,9%). Nghề nghiệp nông dân, công nhân, lao động tự do và nội trợ có tình trạng dinh dưỡng bình thường chiếm tỷ lệ cao (54,7% và 52,9%); Nghề nghiệp công chức viên chức - hưu trí có tình trạng dinh dưỡng bình thường và tình trạng thừa cân - béo phì gần tương đương (48,6% và 47,1%). Nghiên cứu chưa ghi nhận được mối liên quan giữa tình trạng dinh dưỡng với giới tính, dân tộc, nơi cư trú, trình độ học vấn và kinh tế gia đình của đối tượng nghiên cứu ( $p > 0,05$ ).

Bảng 2. Mối liên quan giữa tình trạng dinh dưỡng và đặc điểm bệnh lý của đối tượng nghiên cứu (n=246)

Đặc điểm		Tình trạng dinh dưỡng			p
		SDD	Bình thường	Thừa cân- Béo phì	
Bệnh lý kèm theo	Không	0 (0,0)	1 (50,0)	1 (50,0)	0,763 <sup>b</sup>
	Có	18 (7,4)	122 (50,0)	104 (42,6)	
Tiền sử gia đình mắc bệnh đái tháo đường type 2	Có	15 (7,1)	102 (48,3)	94 (44,6)	0,198 <sup>b</sup>
	Không	3 (8,8)	20 (58,8)	11 (32,4)	

(<sup>b</sup>Kiểm định Mann-Whitney)

Nhận xét: Kết quả bảng 2 cho thấy, không có mối liên quan giữa tình trạng dinh dưỡng với đặc điểm bệnh lý kèm theo và tiền sử gia đình mắc đái tháo đường type 2 của đối tượng nghiên cứu ( $p > 0,05$ ).

Bảng 3. Mối liên quan giữa tình trạng dinh dưỡng và đặc điểm hành vi lối sống của đối tượng nghiên cứu (n=246)

Đặc điểm		Tình trạng dinh dưỡng			p
		SDD	Bình thường	Thừa cân- Béo phì	
Mức độ hút thuốc lá	Mức độ ít	0 (0,0)	6 (35,3)	11 (64,7)	0,035 <sup>a</sup>
	Mức độ nhiều	3 (15,8)	13 (68,4)	3 (15,8)	

Đặc điểm		Tình trạng dinh dưỡng			p
		SDD	Bình thường	Thừa cân - Béo phì	
Mức độ sử dụng rượu bia	Mức độ rất nhiều	0 (0,0)	0 (0,0)	2 (100,0)	0,206 <sup>a</sup>
	Mức độ ít	1 (7,1)	9 (64,3)	4 (28,6)	
	Mức độ vừa	1 (8,3)	4 (33,3)	7 (58,3)	
	Mức độ nhiều	0 (0,0)	0 (0,0)	0 (0,0)	
Số bữa ăn	Mức độ rất nhiều	0 (0,0)	1 (50,0)	1 (50,0)	0,564 <sup>a</sup>
	Ít hơn 3 bữa	2 (8,3)	15 (62,5)	7 (29,2)	
	3 bữa	13 (6,1)	105 (49,5)	94 (44,3)	
Cố định giờ ăn	Nhiều hơn 3 bữa	3 (30,0)	3 (30,0)	4 (40,0)	0,061 <sup>b</sup>
	Không	5 (12,8)	22 (56,4)	12 (30,8)	
Mức độ ăn	Có	13 (6,3)	101 (48,8)	93 (44,9)	0,379 <sup>a</sup>
	Ăn hơi đói	9 (8,9)	40 (39,6)	52 (51,5)	
	Ăn vừa đủ	7 (5,9)	68 (57,1)	44 (37,0)	
Tiêu thụ rau khuyến nghị	Ăn no	2 (7,7)	15 (57,7)	9 (34,6)	0,772 <sup>b</sup>
	Không	10 (7,0)	71 (49,6)	62 (43,4)	
Hoạt động thể lực	Có	8 (7,8)	52 (50,4)	43 (41,8)	0,070 <sup>a</sup>
	Cường độ nhẹ	11 (5,8)	100 (52,3)	80 (41,9)	
	Cường độ trung bình	0 (0,0)	3 (60,0)	2 (40,0)	
Tần suất hoạt động thể lực	Cường độ nặng	5 (27,8)	8 (44,4)	5 (27,8)	0,138 <sup>a</sup>
	Thường xuyên	4 (16,0)	12 (48,0)	9 (9,0)	
	Thỉnh thoảng	1 (33,3)	2 (66,7)	0 (0,0)	
	Hiếm khi/ít khi	11 (5,9)	97 (52,2)	78 (41,9)	

(<sup>a</sup>Tương quan Spearman, <sup>b</sup>Kiểm định Mann-Whitney)

Nhận xét: Kết quả bảng 3 cho thấy, có mối liên quan giữa tình trạng dinh dưỡng với mức độ hút thuốc lá của đối tượng tham gia nghiên cứu, sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với  $p=0,035$ . Nhóm đối tượng suy dinh dưỡng có 15,8% hút thuốc lá ở mức độ nhiều; Nhóm tình trạng dinh dưỡng bình thường có 68,4% hút thuốc lá ở mức độ nhiều; Nhóm thừa cân - béo phì có 15,8% hút thuốc lá ở mức độ nhiều và 100% hút thuốc lá ở mức độ rất nhiều. Nghiên cứu chưa ghi nhận được mối liên quan giữa tình trạng dinh dưỡng với mức độ sử dụng rượu bia, chế độ ăn và hoạt động thể lực của đối tượng nghiên cứu ( $p>0,05$ ).

#### IV. BÀN LUẬN

##### 4.1. Tình trạng dinh dưỡng ở người bệnh đái tháo đường type 2

Đa phần đối tượng tham gia nghiên cứu có tình trạng dinh dưỡng bình thường (chiếm 50,0%); Thừa cân - béo phì chiếm 42,7%; Thấp nhất là suy dinh dưỡng chiếm 7,3%. Kết quả của nghiên cứu của chúng tôi tương đồng với nghiên cứu của Lưu Ngân Tâm với tình trạng dinh dưỡng bình thường chiếm tỷ lệ cao nhất (54,8%); Thừa cân - béo phì chiếm 27,8%; Thấp nhất là suy dinh dưỡng chiếm 17,4% [7]. Bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu còn tương đồng với kết quả nghiên cứu của Đồng Thị Phương với tình trạng dinh dưỡng bình thường chiếm 50,7%; Thừa cân - béo phì chiếm 45,0%; Suy dinh dưỡng chiếm tỷ lệ thấp nhất với 4,3% [8].

## 4.2. Một số yếu tố liên quan đến tình trạng dinh dưỡng ở người bệnh đái tháo đường type 2

Kết quả nghiên cứu cho thấy, có mối liên quan giữa tình trạng dinh dưỡng với nhóm tuổi và nghề nghiệp của đối tượng tham gia nghiên cứu, sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với  $p < 0,05$ . Người bệnh đái tháo đường type 2 tham gia nghiên cứu có độ tuổi từ 60 tuổi trở lên có tình trạng thừa cân - béo phì cao nhất (48,9%); Nhóm tuổi dưới 60 tuổi có tình trạng dinh dưỡng bình thường chiếm tỷ lệ cao nhất (62,9%). Về nghề nghiệp, nông dân, công nhân, lao động tự do và nội trợ có tình trạng dinh dưỡng bình thường chiếm tỷ lệ cao (54,7% và 52,9%); Nghề nghiệp công chức viên chức - hưu trí có tình trạng dinh dưỡng bình thường và tình trạng thừa cân - béo phì gần tương đương (48,6% và 47,1%). Sự khác biệt này có thể do điều kiện sống, thời gian mắc bệnh, phong tục tập quán, thời gian sinh hoạt, khả năng lao động của người cao tuổi có khác biệt với người dưới 60 tuổi, dẫn đến sự khác nhau về mặt tình trạng dinh dưỡng.

Nghiên cứu ghi nhận được mối liên quan giữa tình trạng dinh dưỡng mà mức độ hút thuốc lá của đối tượng nghiên cứu, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với  $p < 0,05$ . Nhóm đối tượng suy dinh dưỡng có 15,8% hút thuốc lá ở mức độ nhiều; Nhóm tình trạng dinh dưỡng bình thường có 68,4% hút thuốc lá ở mức độ nhiều; Nhóm thừa cân - béo phì có 15,8% hút thuốc lá ở mức độ nhiều và 100% hút thuốc lá ở mức độ rất nhiều. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi có sự khác biệt với nghiên cứu của Lê Thị Hương. Sự khác biệt là do đối tượng tham gia nghiên cứu của Lê Thị Hương có tỷ lệ nam giới (53,0%) cao hơn nữ giới (47,0%); nam giới có thói quen sử dụng thuốc lá cao hơn nữ giới [9].

Nghiên cứu chưa ghi nhận được mối liên quan giữa tình trạng dinh dưỡng với giới tính, dân tộc, nơi cư trú, trình độ học vấn, kinh tế gia đình, đặc điểm bệnh lý kèm theo, tiền sử gia đình mắc đái tháo đường type 2 và một số yếu tố về hành vi, lối sống của đối tượng nghiên cứu như mức độ sử dụng rượu bia, chế độ ăn và hoạt động thể lực ( $p > 0,05$ ). Kết quả nghiên cứu trên tương đồng với nghiên cứu của Lê Thị Hương [9] và Trịnh Thị Ngọc Huyền [10].

## V. KẾT LUẬN

Tình trạng dinh dưỡng ở người bệnh đái tháo đường type 2 tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Trà Vinh khi phân loại theo chỉ số khối cơ thể (BMI), chiếm tỷ lệ cao nhất là tình trạng dinh dưỡng bình thường (50,0%); Thừa cân - béo phì chiếm 42,7%; Thấp nhất là suy dinh dưỡng chiếm 7,3%. Nghiên cứu ghi nhận được một số yếu tố liên quan đến tình trạng dinh dưỡng của đối tượng nghiên cứu như nhóm tuổi, nghề nghiệp ( $p < 0,05$ ).

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trường Đại học Y tế công cộng. Giáo trình Các phương pháp đánh giá và phòng chống một số bệnh liên quan đến dinh dưỡng. Nhà xuất bản Lao động - Xã hội, Hà Nội. 2012.
2. International Diabetes Federation. Diabetes Atlas Seventh Edition 2015. International Diabetes Federation. 2015.
3. Lê Thị Hương. Tình trạng dinh dưỡng của bệnh nhân đái tháo đường type 2 và một số yếu tố liên quan tại Khoa nội Bệnh viện Đại học Y Hà Nội. *Tạp Chí Dinh Dưỡng và Thực Phẩm*. 2017. 13 (4), 1-7.
4. Bệnh viện Đa khoa tỉnh Trà Vinh. Giới thiệu tổng quan về bệnh viện. 2023. Truy cập từ: <http://benhvientravinh.com.vn/gioi-thieu/gioi-thieu-tong-quan>. Ngày truy cập 15/8/2023.

5. Bộ Y tế. Việt Nam hiện tỷ lệ người mắc đái tháo đường đang gia tăng nhanh. 2023. Truy cập từ: <https://moh.gov.vn/tin-noi-bat/content/viet-nam-hien-ty-le-nguoi-mac-benh-dai-thao-duong-dang-gia-tang-nhanh>. Ngày truy cập: 12/12/2023.
  6. Đồng Thị Phương. Tình trạng dinh dưỡng của người bệnh đái tháo đường type 2 điều trị ngoại trú tại Bệnh viện Đa khoa Đông Anh, Hà Nội năm 2020. *Tạp Chí Nghiên cứu Y học*. 2021. 144 (8), 91-99.
  7. Lưu Ngân Tâm, Đoàn Quyết Thắng. Tình trạng dinh dưỡng ở bệnh nhân đái tháo đường type 2 nhập viện. *Tạp chí Y học thành phố Hồ chí Minh*. 2018. 22(5), 75-82.
  8. Sở Y tế Thái Nguyên. Dinh dưỡng cho người bệnh Đái tháo đường. 2020. Truy cập từ: <https://soyte.thainguyen.gov.vn/y-hoc-thuong-thuc/content/dinh-duong-cho-nguoi-benh-dai-thao-duong>. Ngày truy cập 15/8/2023.
  9. Trịnh Thị Ngọc Huyền. Tình trạng dinh dưỡng và một số yếu tố liên quan của người bệnh Đái tháo đường type 2 điều trị tại Bệnh viện Nội tiết Trung ương 2020. *Tạp chí Nghiên cứu Y học*. 2020. 146(10), 150-157.
  10. Lâm Khắc Kỷ. Tình trạng dinh dưỡng của 50 bệnh nhân Đái tháo đường type 2 nội trú ở Bệnh viện Thống Nhất. *Tạp chí Dinh dưỡng và Thực phẩm*. 2022. 18(3+4), 63-69.
-